

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 102/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 09-8-2024

V/v “Hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Điều

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bình

Bà Trần Thị Kim Đồng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hồng Tiêm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa:** Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa

Trong ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 221/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024 về việc “*Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Huỳnh Thị N**, sinh năm 1972; Địa chỉ: ấp A, xã LST, huyện Tô, tỉnh Vĩnh Long. (Đề nghị xét xử vắng mặt)

2. **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Thanh V**, sinh năm 1972; Địa chỉ: ấp A, xã LST, huyện Tô, tỉnh Vĩnh Long. (Đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/5/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị N và bị đơn anh Nguyễn Thanh V xây dựng hôn nhân năm 2000 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Chị và anh chung sống với nhau khoảng 21 năm, thời gian

đầu sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hiện tại chị N và anh V đã sống ly thân từ tháng 03/2021 đến nay nên không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng lại được. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 người con chung tên là Nguyễn Minh T, sinh ngày 15/02/2002 và Nguyễn Huỳnh Bảo Tr, sinh ngày 08/01/2005 hiện hai con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh V trình bày: Anh V thống nhất theo lời trình bày của chị N về quan hệ hôn nhân, về con chung, tài sản chung và nợ chung. Anh V xác định mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, không ai còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cả hai không đăng ký kết hôn, sống chung như vợ chồng từ năm 2000, hiện tại anh và chị đã sống ly thân từ tháng 03/2021 đến nay không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng lại được nên anh đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chị N, thống nhất ly hôn với chị N; Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 người con chung tên là Nguyễn Minh T, sinh ngày 15/02/2002 và Nguyễn Huỳnh Bảo Tr, sinh ngày 08/01/2005 hiện hai con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Huỳnh Thị N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Thanh V, sinh năm 1972; Địa chỉ: ấp A, xã LST, huyện TÔ, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án có quan hệ tranh chấp là “Hôn nhân và gia đình” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

[1.2] Nguyên đơn chị Huỳnh Thị N và bị đơn anh Nguyễn Thanh V vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo luật định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Huỳnh Thị N và anh Nguyễn Thanh V chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 đến nay không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, Điều 9, Điều 14, của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận mối quan hệ hôn nhân giữa Chị Huỳnh Thị N và anh Nguyễn Thanh V là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 người con chung tên là Nguyễn Minh T, sinh ngày 15/02/2002 và Nguyễn Huỳnh Bảo Tr, sinh ngày 08/01/2005 hiện hai con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Do chị N và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị N nộp án phí 300.000 đồng, cản trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, vậy chị N đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, Điều 9, Điều 14, của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ giữa chị Huỳnh Thị N và anh Nguyễn Thanh V là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị N và anh V có con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 15/02/2002 và Nguyễn Huỳnh Bảo Tr, sinh ngày 08/01/2005 hiện đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh V không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Huỳnh Thị N nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) chị N đã nộp theo biên lai thu số 0011357 ngày 27/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, vậy chị N đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- Chi cục THADS huyện Trà Ôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

Nguyễn Văn Điều

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Bình

Trần Thị Kim Đồng

Nguyễn Văn Điều